

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2025/HS-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long, ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 181/2025/TLPT-HS ngày 23/4/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là TAND tỉnh Quảng Trị) bị kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2025/QĐXXPT-HS ngày 09/7/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

1. Bị cáo: **Hoàng Thị T**, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1967, tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nữ; nơi cư trú: **số A C, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là số A C, tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị)**; Nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Hoàng Việt H** và bà **Hoàng Thị V** (đã chết); có chồng **Đoàn Công N**, sinh năm 1956, có 02 con, con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/12/2005, bị **Công an phường Đ, thành phố Đ** xử phạt hành chính về hành vi dùng nơi ở của mình chứa bạc; ngày 30/12/2011, bị **Công an phường H, thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. bị cáo: **Trần Đức T1**, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1974, tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Tổ dân phố H, xã Q, tỉnh Quảng Trị)**; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn): Cao đẳng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần S**, sinh năm 1947 và bà **Hà Thị X**, sinh năm 1948; có vợ **Nguyễn**

Thị H1, sinh năm 1982, có 02 người con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/6/1997, bị **Công an huyện Q** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Năm 2015 bị Tòa án Quân sự khu vực 2 **Quân khu D** xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc (Bản án số 03/2015/HSST ngày 11/12/2015). Ngày 23/3/2020, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi che giấu việc đánh bạc, đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Bị cáo: **Đinh Như T2**, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1975, tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: **Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị)**; nghề nghiệp: Nhân viên truyền tải điện Quảng Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Đinh Như T3** (chết) và bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1940; có vợ **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1977, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2020, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi che giấu việc đánh bạc trái phép. Ngày 08/10/2020, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 04/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Bị cáo: **Hà Xuân Q**, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1977, tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: nhà **số I, ngõ B đường T, tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là nhà số I, ngõ B đường T, tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị)**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Trung cấp; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hà Xuân T5** và bà **Nguyễn Thị T6**; có vợ **Nguyễn Thị Thanh B**, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 21/4/2023, bị **Công an huyện Q** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt xong ngày 19/5/2023. Ngày 16/5/2023, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng máy, đã nộp phạt xong ngày 26/6/2023.

Nhân thân: Ngày 12/3/2015, bị **Công an huyện Q** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 08/10/2020, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi che giấu việc đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Bị cáo: **Hoàng Thị Đ1**, sinh ngày 07 tháng 04 năm 1973, tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nữ; nơi cư trú: **Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị)**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Hoàng Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị P** (đã chết); có chồng **Bùi Quang H2**, sinh năm 1965, có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đã chấp hành xong thời gian thử thách vào tháng 01/2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2024 đến nay, có mặt.

6. Bị cáo: **Trần Anh T7**, sinh ngày 18/8/1956 tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: **số C N, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là số C N, tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị)**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Hồ N1** và bà **Nguyễn Thị T8** (đều đã chết); có vợ **Trần Thị Hoài T9**, sinh năm 1962, có 2 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2024 đến nay, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo **Nguyễn Thị Bích H3, Trần S1**, nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 21 tháng 4 năm 2024 **Nguyễn Thị Bích H3** gọi điện thoại cho **Hoàng Thị T** hỏi “hôm nay có ai chơi bài không” (tức là đánh bạc không) và **H3** trao đổi với **T** là hôm nay đánh bạc tại nhà **T**. **H3** nói với **T** sẽ điện cho **Đinh Như T2** và **Hà Xuân Q**, **H3** hỏi **T** “bên chị có ai không”, **T** trả lời có **Trần Đức T1**. Tiếp đó, **Nguyễn Thị Bích H3** điện thoại cho **Hà Xuân Q** rủ đến nhà **Hoàng Thị T** để đánh bạc và khoảng 10 giờ 30 phút gọi điện thoại cho **Đinh Như T2** về nhà **T** để đánh bạc.

Trưa hôm đó (ngày 21/4/2024), **Hoàng Thị Đ1** quê ở **H về Đ** mua vật liệu làm nhà, ghé nhà **H3** ăn cơm, trong lúc ăn cơm **Đ1** nghe Hiên trao đổi với **T** trên điện thoại về việc tập hợp mọi người đánh bạc. Khi nói chuyện với **T** trên điện thoại xong, **H3** nói với **Đ1** chiều chị đến nhà **T** để cùng tham gia đánh bạc.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, **Trần Đức T1, Đinh Như T2** đến nhà **Hoàng Thị T**. Trước đó, **Trần Đức T1** có điện thoại cho **Trần Anh T7** rủ sang nhà **Hoàng Thị T** uống trà. Tiếp đó, **Hà Xuân Q** cũng đến nhà **Hoàng Thị T**. Tất cả ngồi ở phòng khách tầng 1 uống nước một lúc thì lên phòng ngủ tầng 2 nhà **T**. Khoảng 13 giờ 15 phút, trong lúc **Trần Anh T7** vừa đến thì **Hoàng Thị T, Trần Đức T1, Đinh Như T2, Hà Xuân Q** và **Trần Anh T7** thấy có 3 bộ bài tu-lơ-khơ và 1 cái đĩa sứ trên bàn và 2 cái chăn đã có sẵn dưới nền nhà. Cả nhóm ngồi xuống chăn và lấy 2 bộ bài và đĩa sứ đặt bài để đánh bạc. Trước khi đánh bạc, cả nhóm “chung” tiền và đặt tiền ra trước vị trí ngồi trên chiếu bạc. Quá trình đánh bạc bằng hình thức “xì lác” **Hoàng Thị T** sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; **Trần Đức T1** sử dụng số tiền 50.000.000 đồng để đánh bạc; **Đinh Như T10** sử dụng số tiền 18.000.000 đồng để đánh bạc; **Hà Xuân Q** sử dụng số tiền 21.000.000 đồng để đánh bạc và **Trần Anh T7** sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc.

Trong lúc đang đánh bạc, khoảng 13 giờ 30 phút Nguyễn Thị Bích H3 gọi điện thoại cho Hoàng Thị T hỏi đã đánh chưa, Hoàng Thị T trả lời đã đánh rồi. Nguyễn Thị Bích H3 nói với Hoàng Thị T quay Video gửi cho em xem và T đã sử dụng điện thoại di động của mình quay Video cảnh cả nhóm đánh bạc, gửi Video cho H3 qua tài khoản Zalo.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút thì Nguyễn Thị Bích H3 đến nhà Hoàng Thị T lên tầng 2 ngồi trên giường để xem T, T1, T2, Q và T7 đánh bạc xì lác. Lúc này, có Hoàng Thị Đ1 đến nhà T. Khi đến nhà T, Đ1 không mang theo tiền nên sử dụng tài khoản ngân hàng A số 3803205213206 của Đ1 chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M của T2 và nhận lại 10.000.000 đồng tiền mặt từ T2 và sử dụng số tiền này để đánh bạc. T1, Đ1, S1, T2 rủ nhau cùng tiếp tục đánh bạc bằng hình thức “3 cây cào lật” bằng bài tú lơ khơ. Đào thua hết số tiền 10.000.000 đồng, T1 ăn xì lác (1 át và 1 tây), nên cho H3 1 triệu đồng. Đánh được một lúc sau, Trần Anh T7 đánh bạc thua hết tiền ra về. Thấy H3 đến nhưng không đánh bạc, Hoàng Thị T nói thua hết tiền không đánh nữa; Q lên giường nằm; T1 ra quán để gọi dầu và mua dầu gọi. Lúc này khoảng 15 giờ 30 phút, cả nhóm dừng việc đánh bạc và mọi người ngồi chơi tại chỗ vừa chuyện trò vừa làm việc riêng để chờ H3 có tiền để đánh bạc.

Nguyễn Thị Bích H3 thấy mọi người nghỉ đánh bạc nên H3 nói với T1 gọi ông già (là Trần S1) xuống để tham gia đánh bạc. Trần Đức T1 nói “vợ ông ốm không xuống được đâu”, thì H3 xin số điện thoại của Trần S1 từ T1 và lúc 16 giờ 38 phút H3 gọi cho S1 đến nhà T đánh bạc. Nguyễn Thị Bích H3 chuyển khoản cho Hoàng Thị T 50.000.000 đồng để nhờ T rút tiền mặt cho H3.

Khoảng 17 giờ 20 T1 quay lại nhà T, cùng lúc đó có S1 cũng vừa đến; lúc này H3 rủ S1 đánh bạc tay đôi bằng hình thức cào lật (3 cây) mỗi ván đặt cược 500.000 đồng, đánh khoảng 4 ván thì S1 thua Hiên 1.000.000 đồng. Tiếp đó, T rút tiền về đưa cho Hiên 50.000.000 đồng. T2 thấy H3 có tiền nên ngồi xuống chiếu bạc. H3 nói với Đ1 chỉ có tiền trong tài khoản không em có tiền đây đổi cho mà đánh, Đ1 nói có 7.000.000 đồng, H3 bảo Đ1 chuyển khoản cho H3 để H3 đưa tiền mặt cho Đ1. Sau khi nhận tiền từ H3, Đ1 ngồi xuống tiếp tục đánh bạc. Lúc đó T1 thấy mọi người đều có tiền nên cũng ngồi vào chiếu đánh bạc.

Khoảng 17 giờ 40 phút cả nhóm ngồi ở chiếu bạc thứ tư (theo ngược kim đồng hồ) Sô, T2, H3, T1, Đ1. Sô bỏ ra 4.000.000 đồng; Đ1 bỏ ra 7.000.000 đồng để đánh bạc; H3 bỏ ra 12.000.000 đồng để đánh bạc (trong đó tiền T1 cho 1 triệu, thắng Sô 1 triệu, của H3 10 triệu trong số tiền nhờ T đi rút). Tất cả cùng nhau đánh bạc bằng hình thức “cào lật 3 cây” mỗi ván từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Đánh được một lúc đến khoảng 18 giờ thì Công an gõ cửa, H3 đứng dậy ra mở cửa cho Công an vào; mọi người rời chiếu bạc chỉ có S1 ngồi lại chỗ củ và vợ lấy tất cả tiền có tại chiếu bạc và xấp tiền của Đ1 rơi xuống bên tay trái của S1 và cất vào trong người.

Công an tiến hành lập biên bản sự việc và tạm giữ đồ vật gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PRO, màu bạc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX; 01 (một)

điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; 06 bộ bài 52 quân bài, 01 đĩa sứ, và 2 cái chăn. Tạm giữ ở trong người **Trần Đức T1** 88.000.000 đồng; trong người **Hà Xuân Q** 21.000.000 đồng; trong người **Đinh Như T2** 18.000.000đ; **Hoàng Thị Đ1** tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng; **Trần S1** tự nguyện nộp số tiền 40.500.000đ; **Nguyễn Thị Bích H3** tự nguyện nộp số tiền 600.000 đồng và 100.000 đồng của **Đ1** để trong túi rơi xuống chiếu bạc.

Quá trình điều tra xác định số tiền không liên quan đánh bạc, đã trả lại 600.000 đồng cho **Nguyễn Thị Bích H3** và trả lại 40.000.000 đồng cho **Trần Đức T1** và 5 điện thoại là phương tiện liên lạc, không phải công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên đã trả lại chủ sở hữu.

Còn lại số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 128.600.000 đồng, 06 bộ bài, 01 đĩa sứ và 2 cái chăn, Viện kiểm sát đã ra Quyết định số 292/QĐ-VKSQB-P2 ngày 15/8/2024, chuyển đến kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình bảo quản và tạm giữ theo để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo **Hoàng Thị T**, **Trần Đức T1**, **Đinh Như T2**, **Hà Xuân Q**, **Hoàng Thị Đ1**, **Trần S1** và **Trần Anh T7** đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc đúng như nội dung bản Cáo trạng; tuy nhiên, về số tiền đánh bạc thì các bị cáo **T1**, **T2**, **Đ1** và **Q** thay đổi lời khai, cụ thể **T1** khai chỉ sử dụng số tiền 5.500.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại **T1** mang theo để thanh toán tiền sửa xe; **T2** khai trong 18.000.000 đồng mà **T2** mang theo thì **T2** chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 16.000.000 đồng là tiền **T2** có ý định từ trước để gửi cho con trai ở **N**; **Đ1** khai chỉ sử dụng 7.000.000 đồng đổi từ **H** (Đào chuyển khoản, **H3** đưa 7.000.000 đồng tiền mặt cho **Đ1**) để đánh bạc, còn 10.000.000 đồng Đào đổi từ **T2** lúc đầu là tiền mà **Đ1** cất vào túi để mua vật liệu làm nhà; **Q** khai trong số 21.000.000 đồng thì **Q** chỉ sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 16.000.000 đồng là tiền dùng để trả tiền mua vật liệu điện nước về thay thế trong nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Thị Bích H3** khai nhận do biết các đối tượng trên đánh bạc tại nhà **T** nên **H3** đã chủ động báo cho **Phòng C công an tỉnh Q** tiến hành bắt giữ; khi thấy các đối tượng đứng dậy thì bị cáo **H3** có đánh tay đôi với **Trần S1** hai, ba ván, mục đích là để giữ chân các bị cáo ngồi đánh bạc tiếp để công an vào bắt giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Thị T**, **Nguyễn Thị Bích H3**, **Trần Đức T1**, **Đinh Như T2**, **Hà Xuân Q**, **Hoàng Thị Đ1**, **Trần S1** và **Trần Anh T7** phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s,t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Hoàng Thị T đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo T đã bị tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024).

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, **xử phạt bị cáo Trần Đức T1 36 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo **Trần Đức T1** đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo **T1** đã bị tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024).

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, **xử phạt bị cáo Đinh Như T2 36 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo **Đinh Như T2** đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo **T2** đã bị tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 22/4/2024 đến ngày 04/6/2024).

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, **xử phạt bị cáo Hà Xuân Q 36 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo **Hà Xuân Q** đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo **Q** đã bị tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024).

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, **xử phạt bị cáo Hoàng Thị Đ1 36 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo **Hoàng Thị Đ1** đi chấp hành án.

...
2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, **xử phạt bị cáo Trần Anh T7 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách của án treo là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo **Trần Anh T7** cho UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt với bị cáo **Nguyễn Thị Bích H3**, bị cáo **Trần S1**, quyết định về xử lý vật chứng và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo **Hoàng Thị T** kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

- Bị cáo **Trần Đức T1** và bị cáo **Đinh Như T2** đều kháng cáo cho rằng số tiền các bị cáo đánh bạc thực tế là 43.500.000 đồng; do đó, các bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo các điểm s, v, t và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị cấp phúc thẩm cho hai bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo **Hà Xuân Q** kháng cáo cho rằng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc khoảng 20.000.000 đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét áp dụng lại khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo **Hoàng Thị Đ1** kháng cáo cho rằng tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 36.500.000 đồng, trong đó bị cáo **Đ1** đưa vào sử dụng 7.000.000 đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại để cho bị cáo được hưởng hình phạt Cảnh cáo.

- Bị cáo **Trần Anh T7** kháng cáo cho rằng số tiền các bị cáo đánh bạc chỉ khoảng hơn 20.000.000 đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo đều không thừa nhận số tiền các bị cáo bị quy kết sử dụng để đánh bạc, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại (*có bài phát biểu gửi kèm theo*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện do quen biết nhau nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2024 **Nguyễn Thị Bích H3** điện thoại cho **Hoàng Thị T** để hỏi xem có ai đánh bạc ở nhà **T** không, sau đó **H3** và **T** thống nhất rủ người đến nhà **T** đánh bạc. Khoảng 12 giờ ngày 21/4/2024 **T** gọi điện rủ **Trần Đức T1** đến nhà **T** đánh bạc và **T1** gọi điện rủ **Trần Anh T7** đến nhà **T** để đánh bạc; sau đó **Đinh Như T2**, **Hà Xuân Q** được **H3** gọi cũng đến nhà **T** để đánh bạc.

Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày cả nhóm lên phòng ngủ ở tầng 2 nhà **T** đánh “xì lác” thắng thua bằng Việt Nam đồng. **T** sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; **T1** sử dụng 50.000.000 đồng để đánh bạc (số tiền này **T1** chuyển khoản cho **T**, **T** đưa tiền mặt cho **T1** tại nhà **T**); **T2** sử dụng 18.000.000 đồng để đánh bạc; **Q** sử dụng 21.000.000 đồng để đánh bạc và **T7** sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút thì **H3** đến nhà **T** lên tầng 2 ngồi trên giường xem **T**, **T1**, **T2**, **Q** và **T7** đánh bạc xì lác, lúc này, có **Hoàng Thị Đ1** đến nhà **T**. Khi đến nhà **T**, **Đ1** không mang theo tiền mặt nên sử dụng tài khoản của **Đ1** chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của **T2** và nhận 10.000.000 đồng tiền mặt từ **T2** và sử dụng số tiền này để đánh bạc. **T1**, **Đ1**, **S1**, **T2** rủ nhau cùng tiếp tục đánh bạc bằng hình thức “3 cây cào lật” bằng bài tú lơ khơ, **Đ1** thua hết 10.000.000 đồng, **T7** thua hết tiền nên ra về, **T** nói thua hết tiền không đánh nữa, **Q** lên giường nằm, **T1** ra quán gọi đầu, lúc này khoảng 15 giờ 30 phút.

Hiên thấy mọi người dừng đánh bạc nên H3 nói với T1 gọi ông già (Trần S1) đến đánh bạc, T1 nói vợ ông S1 ốm nên ông S1 không xuống được đâu thì H3 xin số điện thoại của Trần S1 từ T1 và gọi rủ Trần S1 rủ đến nhà T đánh bạc. Hiên muốn mọi người tiếp tục đánh bạc nên chuyển khoản cho T 50.000.000 đồng để nhờ T rút tiền mặt cho H3 và gọi điện thoại nói với T1 đã nhờ T đi rút tiền để T1 quay lại đánh bạc. Khoảng 17 giờ 20 phút T1 quay lại nhà T, cùng lúc đó Trần S1 cũng vừa đến và lên tầng 2, lúc này H3 rủ Trần S1 đánh bạc tay đôi bằng hình thức cào lạt (3 cây) mỗi ván đặt cược 500.000 đồng, đánh khoảng 4 ván thì S1 thua Hiên 1.000.000 đồng.

Tiếp đó, T rút tiền về đưa cho H3 50.000.000 đồng, T2 thấy H3 có tiền nên ngồi xuống chiếu bạc, H3 nói với Đ1 chị có tiền trong tài khoản không em có tiền đây đổi cho mà đánh, Đ1 nói có 7.000.000 đồng, H3 bảo Đ1 chuyển khoản cho H3 rồi H3 đưa tiền mặt cho Đ1. Sau khi nhận tiền từ H3, Đ1 ngồi xuống cùng tham gia đánh bạc, lúc đó, T1 thấy mọi người đều có tiền nên cũng ngồi vào chiếu đánh bạc. Khoảng 17 giờ 40 phút cả nhóm gồm S1, T2, H3, T1, Đ1 cùng tham gia đánh bạc, S1 bỏ ra 4.000.000 đồng, Đ1 bỏ ra 7.000.000 đồng, H3 bỏ ra 12.000.000 đồng (trong đó tiền T1 cho 1 triệu, H3 thắng Sô 1 triệu, của H3 10 triệu trong số tiền nhờ T đi rút), đánh bạc bằng hình thức “cào lạt 3 cây” mỗi ván từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày sau khi nghe tiếng gõ cửa thì H3 đứng dậy ra mở cửa và Công an ập vào bắt quả tang, lập biên bản. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đều xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc ngày 21/4/2024 tổng cộng là 128.600.000 đồng.

[2] Quá trình điều tra, truy tố cho đến thời điểm tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất ngày 28/9/2024, các bị cáo (trừ bị cáo H3 chưa bị khởi tố) đều khai nhận hành vi đánh bạc và số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc đúng như Kết luận của cơ quan điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát (tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 128.600.000 đồng). Tuy nhiên, từ sau khi Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung hành vi đánh bạc của H3 và tại phiên tòa sơ thẩm thì các bị cáo T1, T2, Đ1 và Q thay đổi lời khai về số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cụ thể: T1 khai chỉ sử dụng 5.500.000 đồng trong tổng số tiền 88.000.000 đồng có trong người lúc bị Công an thu giữ để đánh bạc, số tiền còn lại T1 mang theo để thanh toán tiền sửa xe ô tô đã đưa vào gara; T2 khai trong số 18.000.000 đồng T2 mang theo thì T2 chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 16.000.000 đồng T2 dành để gửi cho con trai ở Nhật Bản; Đ1 khai chỉ sử dụng 7.000.000 đồng đổi từ Hiên để đánh bạc, còn 10.000.000 đồng đổi từ T2 là tiền Đ1 cất trong người để mua vật liệu làm nhà; Q khai trong số tiền 21.000.000 đồng trong người thì Q chỉ sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 16.000.000 đồng Q cất trong người để trả tiền mua vật liệu điện nước về thay thế trong nhà.

[3] Xét thấy, mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm (cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay) các bị cáo không thừa nhận số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc như nội dung Cáo trạng, Bản án sơ thẩm xác định; tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án thì trước lúc bắt đầu đánh bạc các bị cáo đều phải đặt tiền lên chiếu bạc (ngay chỗ ngồi của mình); bị cáo nào không có tiền mặt thì

phải chuyển khoản để nhờ người khác đổi tiền mặt mới được tham gia đánh bạc; tiền cược cho mỗi ván từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Trong quá trình đánh bạc có thể các bị cáo cất bớt số tiền vào túi quần/áo của mình, nhưng số tiền thắng, thua từng ván được rút ra (nếu thua) trong số tiền mà các bị cáo mang theo, hoặc bỏ vào (nếu thắng) cùng số tiền mang theo trong người. Mặt khác, trong giai đoạn điều tra, tại các bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản hỏi cung và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, các bị cáo đều khai báo chi tiết, rõ ràng về số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc đúng như Cáo trạng truy tố 128.600.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong vụ án là 128.600.000 đồng (cụ thể: **T1** 50.000.000đ (sau khi đánh xong lần 1 thì **T1** đi gọi đầu và mua dầu gọi hết 400.000đ nên còn 49.600.000đ), **T** 3.000.000đ, **T2** 18.000.000đ, Quỳnh 21.000.000đ, **T7** 5.000.000đ, Đào 17.000.000đ, Hiên 10.000.000đ và Sô 5.000.000đ) là có cơ sở. Do các bị cáo cùng tham gia đánh bạc với số tiền trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm vào “Tội đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật nên các bị cáo kháng cáo và tại phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là không có cơ sở để được chấp nhận.

[4] Tội đánh bạc quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm. Các bị cáo **T1**, **T2**, **Q**, **Đ1** đều có nhân thân xấu đã từng nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 3 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo là cần thiết để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo **T** cũng đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc, nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc; do số tiền bị cáo **T** sử dụng đánh bạc ít hơn các bị cáo khác và bị cáo **T** có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** 15 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo **T7** cũng là đồng phạm trong vụ án, nhưng bị cáo **T7** chỉ tham gia đánh bạc ở giai đoạn đầu và chỉ đánh được một lúc, sau đó tự bỏ về nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T7** 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đúng pháp luật.

[5] Các bị cáo kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) như sau:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Thị T**, **Trần Đức T1**, **Đinh Như T2**, **Hà Xuân Q**, **Hoàng Thị Đ1** và **Trần Anh T7** phạm vào “Tội đánh bạc”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Hoàng Thị T** 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Đức T1** 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Đinh Như T2** 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 04/6/2024.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Hà Xuân Q** 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/6/2024.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Hoàng Thị Đ1** 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Anh T7** 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo **Trần Anh T7** cho UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị

Hoàng Thị T, **Trần Đức T1**, **Đinh Như T2**, **Hà Xuân Q**, **Hoàng Thị Đ1** và **Trần Anh T7** mỗi bị cáo phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị (trước đây là trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân